

qiánmiàn shàngmiàn pángbiān hòumiàn xiàmiàn

旁边

下面

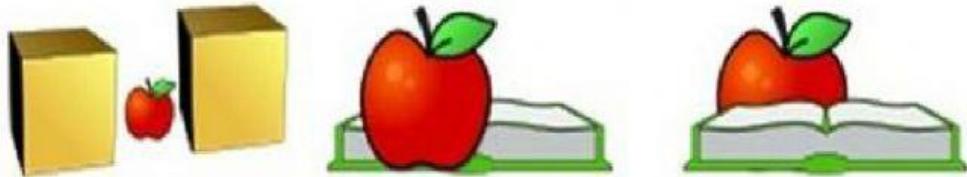
后面

上面

前面

LIVE WORKSHEETS

旁边



between

in front of

behind

上面



under / below

on

next to